TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK** --- *** ---	**CỘNG HÒA XÃ HÔI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ------***-----

Bản án số: 16/2017/DSST
Ngày 17/8/2017
"V/v kiện đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hải Bình**.**
2. Ông Nguyễn Quốc Vụ.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Hồ Xuân Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường xét xử trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 09/2017/TLST-DS ngày 20/01/2017, về tranh chấp kiện đòi sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2017/QĐXX-ST ngày 25/7/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bạch T; trú tại: Thôn 1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Bị đơn: Ông Phan Trọng Y; Trú tại: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn D; trú tại: Thôn 1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Bà Nguyễn Thị Bạch T là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (văn bản ủy quyền ngày 22/2/2017); có mặt.

NLC:

NLC1. Chị Cao Thị Thanh T; trú tại: Thôn 5, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NLC2. Anh Vũ Đức H; Trú tại: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NLC3. Anh Nguyễn Văn Q; Trú tại: Thôn 1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NLC4. Anh Nguyễn Đức T; Trú tại: Thôn 1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NLC5. Anh Lê Xuân T; Trú tại: Thôn 9, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NLC6. Anh Trần Quốc T; Trú tại: Thôn 1, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 26/10/2017, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Phan Trọng Y là chỗ làm ăn, mua bán quen biết với nhau nên vào ngày 20/5/2016 ông Y có vay của bà T là 6.119.6 kg tiêu quy chuẩn; Nhưng trước đó bà T còn nợ ông Y 298,2kg tiêu, do đó hai bên chốt sổ và cấn trừ qua lại thì ông Y thì còn nợ bà T 5.821,4kg tiêu.

Số tiêu ông Y vay của bà T thì bà T đã bán cho ông Y thành các lần như sau:

Ngày 23/5/2016 bán 1.000kg x 176.000 đồng/kg = 176.000.000 đồng.

Ngày 24/5/2016 bán 2.000 kg x 176.000 đồng/kg = 352.000.000 đồng.

Ngày 25/5/2016 bán 500 kg x 176.000 đồng/kg = 85.000.000 đồng; tổng số tiền là 613.000.000 đồng (đã thanh toán xong). Số tiêu còn lại là 2.321,4kg, ngày 31/5/2016 bà T bán hết số tiêu còn lại cho ông Y với giá 170.000 đồng/kg, thành tiền 394.638.000 đồng. Như vậy toàn bộ số tiêu bà T cho ông Y vay thì đến ngày 31/5/2016 bà T đã bán cho ông Y thành tiền là 394.638.000 đồng và ông Y hẹn là 30 ngày kể từ ngày 31/5/2016 sẽ trả đầy đủ số tiền trên. Tuy nhiên, ông Y đã không trả như cam kết mà qua quá trình bà T đòi thì ông Y trả bằng tài sản cụ thể vào tháng 06/2016 như sau.

01 băng tải trị giá 30.000.000 đồng; 01 cân điện tử nhỏ 5.000.000 đồng; 153 tấn củi cà phê trị giá 107.100.000 đồng, tổng cộng là 142.100.000 đồng, cộng với số tiền bà T nợ ông Y là 110.224.000 đồng; tổng số tiền ông Y trả nợ cho bà T được 252.324.000 đồng; Như vậy ông Y còn nợ bà T 142.314.000 đồng (394.638.000 đồng – 252.324.000 đồng). Số tiền này bà T đã đòi ông Y rất nhiều lần nhưng ông Y không chịu trả, do đó nay bà T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Y trả số tiền còn nợ lại là 142.314.000đồng, về lãi suất không yêu cầu.

Ngoài ra bà T xác định việc vay mượn, chốt sổ, bán số tiêu, cấn trừ tài sản trả nợ trên là diễn ra giữa vợ chồng bà T với cá nhân ông Y không liên quan đến vợ ông Y, vợ ông Y không tham gia vào các giao dịch trên, vì vậy bà T đề nghị Tòa án giải quyết buộc một mình cá nhân ông Y trả số tiền còn nợ gốc là 142.314.000 đồng và không yêu cầu vợ ông Y có trách nhiệm trả số nợ này. Mặt khác về việc bà T lấy 153 tấn củi cà phê khô của ông Y để trừ nợ là sự thỏa thuận tự nguyện giữa bà T và ông Y, khi hai bên thỏa thuận lấy củi để trừ nợ thì ông Y có viết cho bà T 01 tờ giấy để

vào kho của Công ty ông Y cân củi, nhưng không thỏa thuận về giá là bao nhiêu sau khi bà T lấy 153 tấn củi và bán với giá 700 đồng/1kg thành tiền là 107.100.000 đồng, khoảng 02 ngày sau bà T có vào nhà ông Y báo cho ông Y biết số củi bán 700 đồng/kg được 107.100.000 đồng, tờ giấy ông Y viết cho bà T thì sau khi bán củi bà T đã xé bỏ. Bà T không thừa nhận là có thỏa thuận giá là 1.500 đồng/kg củi như lời khai của ông Y, ngoài ra bà T không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai, phiên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Trọng Y trình có nội dung như sau:

Ông Phan Trọng Y và bà Nguyễn Thị Bạch T là chỗ bạn hàng thân quen, việc ông Y vay nợ của bà T như bà T đã trình bày ở trên về số lượng vay, số lượng trả là hoàn toàn đúng như bà T đã trình bày, ông Y xác định tính đến ngày 31/5/2016, ông còn nợ bà T số tiền 394.638.000 đồng, ông có ký vào sổ nợ của bà T và hẹn 30 ngày kể từ ngày 31/5/2016 sẽ trả đầy đủ số tiền trên cho bà T. Tuy nhiên, do điều kiện làm ăn thua lỗ nên ông đã không trả được nợ cho bà T như cam kết, vào tháng 06/2016 ông đã trả nợ cho bà T thông qua việc bà T lấy tài sản để cấn trừ nợ như sau. 01 băng tải trị giá 30.000.000 đồng; 01 cân điện tử nhỏ 5.000.000 đồng; 153 tấn củi cà phê trị giá 229.500.000 đồng, cộng với số tiền bà T nợ ông Y 110.224.000 đồng; như vậy số tiền ông Y đã trả cho bà T được 374.724.000 đồng, số tiền ông Y còn nợ bà T là 19.914.000 đồng (394.638.000 đồng – 252.324.000 đồng). Nay ông Y đồng ý trả cho bà T số tiền còn nợ lại là 19.914.000 đồng. Về lãi suất xin không phải trả.

Tại phiên tòa ông Y xác định ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, việc nguyên đơn bà T khai khi bà T lấy 153 tấn củi cà phê khô để trừ nợ không có thỏa thuận giá là không đúng mà việc ông Y và bà T thỏa thuận cấn trừ tài sản để trừ nợ là hoàn toàn tự nguyện giữa các bên không bên nào ép buộc bên nào và có thỏa thuận giá củi là 1.500 đồng/kg, bà T đã đồng ý với giá này, lúc bà T vào cân củi ông Y có viết cho bà T 01 giấy viết tay thỏa thuận giá củi là 1.500 đồng/kg và bà T giữ giấy này trình cho nhân viên công ty của ông thì bà T mới lấy được 153 tấn củi cà phê khô. Thực tế sau khoảng 02 ngày sau khi bà T lấy củi, thì bà T có quay lại nhà ông Y nói giá bán củi 700 đồng/1kg nhưng ông Y không đồng ý và cũng không có ý kiến gì thêm. Giấy ông Y viết cho bà T về việc lấy 153 tấn củi khô, thì ông Y được biết bà T đã xé bỏ, còn sổ sách giấy tờ lưu tại Công ty ông Y đã bị thất lạc, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay ông Y không có để cung cấp cho Tòa án, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật, ngoài ra ông không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

Tại bản tự khai NLC1 chị Cao Thị Thanh T trình bày có nội dung như sau:

Chị Cao Thị Thanh T là nhân viên kế toán làm việc tại Công Ty Phan Y, vào khoảng tháng 6 năm 2016 chị có chứng kiến việc bà T nhận tại kho Công Ty Phan Y 153 tấn củi cà phê khô, sau khi nhận xong chị Cao Thị Thanh T có làm việc với bà T và chốt giá củi là 1.500 đồng/kg nhưng bà T không đồng ý. Chị Cao Thị Thanh T cũng yêu cầu bà T xuất trình giấy thỏa thuận với ông Y về giá 153 tấn củi nhưng bà T nói đã xé bỏ. Tại sổ sách mà Công ty Phan Y lưu trữ cũng chỉ ghi số lượng củi 153 tấn, không có hóa đơn, chứng từ ghi giá. Việc thỏa thuận về số lượng, giá của 153 tấn

củi là giữa bà T và ông Y chị Cao Thị Thanh T không tham gia và không biết vấn đề này.

Tại bản tự khai NLC2 anh Vũ Đức H trình bày có nội dung như sau:

Anh H với anh Y là hàng xóm, trong thời gian năm 2016 anh có chứng kiến việc bà T cân củi tại Công Ty Phan Y, nhưng về giá thỏa thuận giữa bà T và ông Y thì ông không biết.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa NLC3 anh Nguyễn Văn Q trình bày có nội dung như sau:

Anh Q với ông Y là hàng xóm, trong khoảng thời gian năm 2016, anh có chứng kiến việc ông Y và bà T thỏa thuận với nhau bà T lấy củi để trừ nợ với giá hai bên thỏa thuận 1.500 đồng/kg, những vấn đề khác anh không biết.

Tại bản tự khai NLC4 anh Nguyễn Đức T trình bày có nội dung như sau:

Anh Nguyễn Đức T với anh Y là hàng xóm, khoảng tháng 06/2016 anh ngồi tại quán nước gần Công Ty Phan Y thì có nghe bà T nói là lấy củi để trừ nợ với giá thỏa thuận 1.500 đồng/kg, còn các vấn đề khác anh không biết gì.

Tại bản tự khai NLC5 anh Lê Xuân T trình bày có nội dung như sau:

Anh Lê Xuân T và bà T là chỗ quen biết, vào khoảng tháng 07/2016 qua người giới thiệu anh T có mua khoảng 80 tấn củi cà phê khô của bà T với giá 700 đồng/kg, đã trả tiền đầy đủ, còn việc ông Y và bà T thỏa thuận giá với nhau như thế nào thì ông không biết và không liên quan.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa NLC6 anh Trần Quốc T trình bày có nội dung như sau:

Anh Trần Quốc T và bà T là chỗ quen biết, vào khoảng tháng 06/2016 ông có giới thiệu cho bà T bán số củi cà phê khô, tại thời điểm bán thì giá là 700 đồng/kg, ngoài ra ông không biết gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong qúa trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 255 và Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ là 142.314.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét yêu cầu và phạm vị khởi kiện của nguyên đơn xác định việc giao dịch vay mượn, mua bán tài sản và thống nhất chốt nợ, hẹn ngày trả là giữa cá nhân nguyên đơn với bị đơn không liên quan đến Công ty, cũng như vợ của bị đơn, nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu một mình cá nhân bị đơn trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền còn nợ gốc 142.314.000 đồng hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn, bị đơn đều xác định ngày 31/5/2016, bị đơn có ký giấy xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 394.638.000 đồng và hẹn 30 ngày kể từ ngày 31/5/2016 sẽ trả đầy đủ số tiền nợ cho nguyên đơn. Khi đến hạn trả nợ nguyên đơn đã không trả được như cam kết, mà đến tháng 06/2016 bị đơn đã trả cho nguyên đơn được một số tài sản để cấn trừ nợ là 01 băng tải; 01 cân điện tử; 153 tấn củi cà phê khô. Tuy nhiên, đối giá của 153 tấn củi cà phê khô thì giữa nguyên đơn và bị đơn đều không thống nhất.

Xét ý kiến của nguyên đơn xác định vào tháng 06/2016 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận với nhau trên cơ sở đó bị đơn trả cho nguyên đơn 153 tấn củi cà phê khô, với giá theo giá thị trường tại thời điểm bán là 700 đồng/kg và thực tế bị đơn đã bán 153 tấn củi cà phê khô được 107.100.000 đồng (700đồng/kg), việc thỏa thuận này hai bên chỉ nói với nhau bằng miệng không có văn bản giấy tờ, tại phiên tòa bị đơn cũng không cung cấp được giấy tờ, văn bản nào về sự thỏa thuận trên. Tuy nhiên ý kiến của nguyên đơn phù hợp với lời khai của người đã mua số củi của nguyên đơn, phù hợp với giá thị trường đối với củi cà phê khô tại thời điểm tháng 06/2016, phù hợp với thông báo về kết quả giải quyết tố cáo số 2628 ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk. Từ những phân tích nêu trên hội đồng xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho vợ chồng nguyên đơn số tiền còn nợ gốc là 142.314.000 đồng. Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng tại thời điểm tháng 06/2016 thì bị đơn có viết cho nguyên đơn 01 giấy viết tay để nguyên đơn lấy 153 tấn củi với giá 1.500 đồng/kg, sự thỏa thuận này là tự nguyện. Tuy nhiên, sau khi nguyên đơn lấy xong số củi thì đã xé bỏ giấy viết tay, số củi, giá thỏa thuận mà nguyên đơn ký trong sổ của bị đơn thì nay cuốn sổ trên cũng đã thất lạc nên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn không cung cấp được văn bản này, hội đồng xét xử xét thấy vào tháng 06/2016 bị đơn có trả cho nguyên đơn số củi cà phê khô có đặc điểm đường kính từ 10cm-20cm, chiều dài từ 0,5m – 1m, việc bị đơn thỏa thuận trả cho nguyên đơn số củi này để cấn trừ nợ là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn cũng viết cho nguyên đơn một giấy viết tay về việc lấy 153 tấn củi cà phê khô là có thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn không cung cấp được bất kỳ văn bản giấy tờ gì để chứng minh cho ý kiến của bị đơn đưa ra. Mặt khác, bị đơn cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành xác minh giá, cũng như thành lập hội đồng định giá để định giá đối với

153 tấn củi, nguyên đơn không thừa nhận có thỏa thuận giá 153 tấn củi cà phê khô là 1.500 đồng/kg như bị đơn đã trình bày, tại phiên tòa nguyên đơn cũng không yêu cầu Tòa án tiến hành xác minh giá, cũng như thành lập hội đồng định giá để định giá đối với 153 tấn củi mà nguyên đơn, bị đơn đề nghị Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án để giải quyết do đó không có căn cứ chấp nhận ý kiến của bị đơn.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm trả giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, cụ thể án phí phải chịu là 142.314.000 đồng x 5% = 7.115.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 3.557.850 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0036748 ngày 18/01/2017.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 255 và Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T.

Buộc bị đơn ông Phan Trọng Y có trách nhiệm trả vợ chồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bạch T và ông Phan Văn D số tiền nợ gốc là 142.314.000 đồng (một trăm bốn mươi hai triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng). Về lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tính lãi suất chậm trả giai đoạn thi hành án khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: Bị đơn ông Phan Trọng Y phải chịu 7.115.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 3.557.850 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0036748 ngày 18/01/2017.

Các đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi ành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Eakar;
- CCTHADS huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu: HS +VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Lê Đình Thanh